

Phụ lục 1**BẢNG PHÂN BỐ ĐỐI TƯỢNG, VẮC XIN, VẬT TƯ TIÊM CHỦNG VẮC XIN COVID-19
ĐỢT 17 NĂM 2022 CHO NGƯỜI TỪ 12 TUỔI TRỞ LÊN***(Kèm theo Kế hoạch số: 4363 /KH-VPTTTC ngày 14 tháng 11 năm 2022)*

STT	Địa phương	Đối tượng			Vắc xin (liều) Lô: HD:	BKT 0.3ml	HAT
		ĐT 12-17 tuổi	ĐT từ 18 tuổi trở lên	Tổng đối tượng			
1	Huyện Bù Đăng	1,044	516	1,560	1560	1,560	16
2	Huyện Bù Đốp	204	600	804	804	804	8
3	Huyện Bù Gia Mập	300	402	702	702	702	7
4	Thị xã Chơn Thành	96	150	246	246	246	2
5	Huyện Đồng Phú	42	120	162	162	162	2
6	Huyện Hớn Quản	324	1,704	2,028	2028	2,028	20
7	Huyện Lộc Ninh	192	684	876	876	876	9
8	Huyện Phú Riềng	450	1,842	2,292	2292	2,292	23
9	Thị xã Phước Long	360	1,530	1,890	1890	1,890	19
Tổng		3,012	7,548	10,560	10560	10,560	106

PHỤ LỤC 2**BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ CHO CÁC ĐƠN VỊ TUYỂN TỈNH
TỔ CHỨC TIÊM VẮC XIN COVID-19 ĐỢT 17 NĂM 2022***(Kèm theo Kế hoạch số: 4363 /KH-VPTTTC ngày 14 tháng 11 năm 2022)*

Số TT	Nội dung chi	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số/lần ngày	Thành tiền
1	Chi hỗ trợ vận chuyển vắc xin						9,180,000
	Từ Viện Pasteur TP. HCM về tỉnh	Công tác phí	người	2	150,000	1	300,000
		Nhiên liệu	lít	80	26,000	1	2,080,000
	Từ tỉnh về huyện	Công tác phí	người	6	100,000	1	600,000
		Nhiên liệu vận chuyển vắc xin 11 huyện/thị	lít	200	26,000	1	5,200,000
Phí cầu đường		Vé	40	25,000		1,000,000	
2	Giám sát tiêm chủng tuyển tỉnh						9,300,000
	- Công tác phí	100,000 đồng/ người	người	6	100,000	3	1,800,000
	- Xăng xe	17 lít/100 km x 1.722km/1 đợt x 20.000đ/lít	km	250	26,000	1	6,500,000
	- Phí cầu đường			40	25,000		1,000,000
TỔNG CỘNG							18,480,000

(Bằng chữ: Mười tám triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng.)